

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 800/2023/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2023, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1966. Địa chỉ: **I N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

2. Bà **Phan Thị P**, sinh năm 1975. Địa chỉ: **I N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Văn T** và bà **Phan Thị P** quen biết tìm hiểu nhau được một năm trên cơ sở tự nguyện và đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình chấp nhận có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế** vào ngày 16/5/1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được 9 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Nay ông **T** và bà **P** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, nên ông **T** và bà **P** cùng yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị P có 02 con chung đăng ký khai sinh tên là Nguyễn Thị H, sinh ngày 12/10/1993 và Nguyễn Quốc V, sinh ngày 23/4/1997 đều đã trưởng thành nên ông T và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị P xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

[5] Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị P, mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông T và bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001022 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông T và bà P đã nộp đủ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị P thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị P có 02 con chung đăng ký khai sinh tên là Nguyễn Thị H, sinh ngày 12/10/1993 và Nguyễn Quốc V, sinh ngày 23/4/1997 đều đã trưởng thành nên ông T và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị P xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn T và bà Phan Thị P, mỗi người phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà ông T và bà P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001022 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông T và bà P đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không

bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
 - VKSND thành phố Huế;
 - CC THADS thành phố Huế;
 - UBND phường A, thành phố Huế;
- (Ông T và bà P ĐKKH số 34, ngày 16/5/1998)
- Đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
 - Lưu án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phương Dung